TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:586/2025/HS-ST
Ngày: 21/8/2025.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Thu Hạnh**

Bà **Phạm Thị Hồng Nhung.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Việt Hùng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Mai Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 478/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:515/2025/QĐXXST-HS ngày 7 tháng 8 năm 2025 đối với:

Bị cáo: **Đồng Huy C** - Sinh năm: 1996; Giới tính: Nam; ĐKHKTT và nơi ở: Tổ dân phố K, phường T, TP Hải Phòng (địa chỉ cũ phường V, TP C, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đồng Huy T và con bà: Nguyễn Thị Đ; Có vợ: Trần Thị T1 và có 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 323/2025/HS-ST ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội xử phạt 12 năm 6 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2024.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 2 – Công an T8, *(Có mặt).*

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Minh V, Công ty L3 - Đoàn luật sư T9*, (Có mặt).*

Bị hại: Trần Nguyên C1, sinh năm: 1995, HKTT: Xóm C, xã Đ, tỉnh Nghệ An (địa chỉ cũ: Xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An), vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Mạc Đăng D, sinh năm: 1980, HKTT, trú tại: số H đường B, phường S, TP C, tỉnh Hải Dương nay là phường S, TP Hải Phòng.

Chị Lê Thị L, sinh năm: 1975, HKTT: Tổ dân phố P, phường M, quận N, Hà Nội nay là Phường T, Hà Nội,

Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm: 1994, HKTT: T, phường S, TP C, tỉnh Hải Dương nay là phường S, TP Hải Phòng.

Anh Bùi Đức L1, sinh năm: 2003, HKTT: C, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh nay là xã T, tỉnh Quảng Ninh;

Anh Hoàng Hồng M, sinh năm: 1983, HKTT: tổ C phường M, quận H, Hà Nội nay là phường T, Hà Nội.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2022, anh Trần Nguyên C1 mua xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300 màu trắng BKS: 37K - 030.89, đăng ký mang tên Trần Nguyên C1. Anh C1 mua xe theo hình thức trả góp với Ngân hàng TMCP V1. Do không có nhu cầu sử dụng xe, ngày 09/7/2023, anh C1 sử dụng facebook cá nhân có tên "Trần Gia N" đăng lên nhóm "Hội cho thuê xe" để tìm khách thuê xe. Sau khi đọc thông tin cho thuê xe của anh C1, Đồng Huy C nhắn tin hỏi thuê xe ô tô trên trong thời hạn 03 ngày, anh C1 đồng ý cho C thuê xe với giá 1.300.000 đồng/ngày. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, C đến nhà anh C1 ở địa chỉ số : ngõ F Đ, phường M, quận N, TP Hà Nội nay là phường T, TP Hà Nội gặp anh C1 để thuê xe. Tại đây, anh C1 và C thỏa thuận ký Hợp đồng cho thuê xe, thời hạn 03 ngày kể từ ngày 09/7/2023 đến 12/7/2023. Sau khi ký Hợp đồng cho thuê xe, anh C1 giao xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300 màu trắng BKS: 37K - 030.89, giấy bảo hiểm bắt buộc, giấy đi đường của ngân hàng V2 cho C. Chí ký biên bản bàn giao xe đồng thời giao cho anh C1 01 xe máy nhãn hiệu Piagio Vespa BKS: 30L2 – 2345 cùng đăng ký xe máy và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đồng Huy C để làm tin. Đồng thời, C chuyển từ tài khoản số 86868888881996 mang tên Đồng Huy C mở tại Ngân hàng M1 đến tài khoản số 666695888999 mang tên Trần Nguyên C1 mở tại Ngân hàng V3 số tiền 3.900.000 đồng, nội dung "Dong Huy C2 chuyen khoan". Hết thời hạn thuê xe, C gọi điện thoại cho anh C1 đặt vấn đề thuê xe ô tô thêm 01 tháng, hạn thuê đến ngày 10/8/2023. Anh C1 đồng ý nói giá thuê xe là 39.000.000 đồng, tiền cọc là 11.000.000 đồng, khi hết thời hạn thuê xe sẽ tính toán số tiền cụ thể. Trong hai ngày 12/7/2023, 14/7/2023, Chí chuyển từ tài khoản số 86868888881996 mang tên

Đồng Huy C mở tại Ngân hàng M1 đến tài khoản của anh C1 mở tại Ngân hàng V3 tổng số tiền là 50.000.000 đồng, nội dung: "Dong Huy C2 chuyen khoan".

Sau khi thuê xe, C sử dụng chiếc xe trên để đi lại. Đến ngày 28/7/2023, do không có tiền để chi tiêu cá nhân và trả nợ, C đã nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300 màu trắng BKS: 37K - 030.89 của anh C1 đi bán. Chí lái xe ô tô đến nhà anh Mạc Đăng D (sinh năm: 1980, trú tại: số H đường B, phường S, TP C, tỉnh Hải Dương nay là phường S, TP Hải Phòng), anh D là chú họ của C. Chí gặp anh D và anh Dương Văn C3 (sinh năm: 1977, HKTT: phường A, TP C, tỉnh Hải Dương nay là phường L, TP Hải Phòng). Tại đây, C nói với anh D, nguồn gốc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300 màu trắng BKS: 37K - 030.89 là của C. Chí mới mua và chưa làm thủ tục sang tên. C hẹn với anh D 20 ngày sau sẽ làm thủ tục sang tên chiếc xe này cho anh D. Tin Chí nói thật, anh D đồng ý mua chiếc xe ô tô trên với giá 1.400.000.000 đồng. Sau khi thống nhất, cùng ngày anh D đã chuyển từ tài khoản số 868686699 mang tên Mạc Đăng D mở tại Ngân hàng M1 đến tài khoản số 86868888881996 mang tên Đồng Huy C mở tại Ngân hàng M1 số tiền 330.000.000 đồng và đưa tiền mặt là 1.070.000.000 đồng cho C. Chí viết 01 Giấy bán xe đề ngày 28/7/2023 với nội dung: *"Tôi có chiếc xe Mecsedel C300 AMG, BKS: 37K - 030.89 của tôi đang sử dụng, nay không có nhu cầu có bán lại cho anh Mạc Đăng D với số tiền 1.400.000.000 đồng. Hẹn trong vòng 20 ngày tôi sẽ hoàn tất thủ tục sang tên cho anh D..."*. C giao cho anh D xe ô tô trên cùng giấy bảo hiểm bắt buộc, giấy đi đường của ngân hàng V2. Số tiền bán xe, C đã sử dụng chi tiêu cho mục đích cá nhân. Do đã bán xe ô tô và không còn xe để trả cho anh C1, ngày 02/8/2023, Chí tự chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản của anh C1 mở tại Ngân hàng V3 với nội dung "Dong Huy C2 chuyen khoan" để tiếp tục thuê xe thêm 01 tháng. Sau khi chuyển tiền, C gọi điện thoại báo cho anh C1 biết đã chuyển 50.000.000 đồng để tiếp tục thuê xe ô tô, nhưng anh C1 không đồng ý. Đến hạn trả xe, anh C1 nhiều lần yêu cầu C mang xe về trả nhưng anh C1 không liên lạc được. Đến ngày 18/8/2023, thông qua hệ thống định vị, anh C1 biết chiếc xe ô tô đang dừng đỗ ở khu vực phường B, TP C, tỉnh Hải Dương (cũ). Nghi ngờ C mang xe ô tô đi bán, ngày 21/8/2023 anh C1 gửi đơn trình báo đến Công an quận N.

Tại Cơ quan điều tra, Đồng Huy C khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án. C khai, sau khi thuê xe, C sử dụng để đi lại, do không có tiền nên C đã nảy sinh việc bán xe để lấy tiền chi tiêu. Đối với số tiền 1.070.000.000 đồng, C đã sử dụng vào mục đích trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Chí không nhớ thông tin những cá nhân mà C đã trả nợ. Đối với số tiền 330.000.000 đồng có trong tài khoản số 86868888881996 mang tên Đồng Huy C mở tại Ngân hàng M1, C đã sử dụng cụ thể: ngày 28/7/2023, C

chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 8968636868 mang tên Nguyễn Văn D1 mở tại Ngân hàng T10; Ngày 28/7/2023 và ngày 08/8/2023 C chuyển 80.000.000 đồng vào tài khoản số 19035651301016 mang tên Hoàng Hồng M mở tại Ngân hàng T10; Ngày 08/8/2023 và ngày 10/8/2023, C chuyển 63.500.000 đồng vào tài khoản số 19037706111011 mang tên Lê Thị L mở tại Ngân hàng T10; Ngày 10/8/2023, C chuyển 25.600.000 đồng vào tài khoản số 19037768437019 mang tên Bùi Đức L1 mở tại Ngân hàng T10. Về chiếc xe máy nhãn hiệu Piagio Vespa BKS: 30L2 – 2345, C mua chiếc xe máy trên của một người không quen biết với giá 27.000.000 đồng, khi mua không viết giấy tờ mua bán xe.

Ngày 22/8/2023, anh Mạc Đăng D tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an quận N: Xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300, BKS: 37K-030. Ngày 26/11/2024, anh D giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 bản gốc Giấy bán xe đề ngày 28/7/2023. Anh Mạc Đăng D khai, do C nói xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300, màu trắng BKS: 37K-030.89 là của C nên anh D tin C và mua chiếc xe trên. Anh D2 không biết xe ô tô trên do C phạm tội mà có. Anh Dũng yêu cầu C hoàn trả lại số tiền 1.400.000.000 đồng mà anh D2 đã trả cho C để mua xe ô tô.

Ngày 18/9/2024, anh C1 giao nộp cho Cơ quan điều tra bản gốc: 01 Hợp đồng cho thuê xe tự lái; 01 biên bản bàn giao xe ô tô giữa anh Trần Nguyên C1 và Đồng Huy C.

Xác minh xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300, BKS: 37K-030.89, đăng ký chính chủ là anh Trần Nguyên C1, xe không có trong cơ sở dữ liệu xe ô tô vật chứng. Ngày 08/9/2023 Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 80, trả chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300, BKS: 37K-030.89 cho anh Trần Nguyên C1. Anh C1 nhận lại tài sản và không yêu cầu về bồi thường dân sự. Anh C1 đã trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Piagio Vespa BKS: 30L2 – 2345, đăng ký xe và chứng minh thư nhân dân cho C, C không có yêu cầu đề nghị gì. Anh Trần Nguyên C1 trình bày, đối với số tiền đặt cọc thuê xe là 11.000.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng, Chí tự chuyển vào tài khoản số 666695888999 mang tên Trần Nguyên C1 mở tại Ngân hàng V4 vào ngày 02/8/2023 là do C mang xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300, màu trắng BKS: 37K-030.89 đi bán. Do vậy, anh C1 không sử dụng xe để kinh doanh được, số tiền trên là tiền Chí phải khắc phục bồi thường cho anh C1.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 197 ngày 08/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận N kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300, màu trắng BKS: 37K-030.89, số khung: RLMWF4JX1HV003551, số máy: 27492030968885, sản xuất năm 2017, đăng ký lần đầu ngày 10/11/2017, đã qua

sử dụng trị giá 800.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 7258 ngày 30/10/2024 của V5 - Bộ C4 kết luận: chữ ký, chữ viết của Đồng Huy C trên Hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái đề ngày 10/7/2023 (A1) và 01 biên bản bàn giao xe đề ngày 09/7/2023 (A2) so với chữ ký, chữ viết cần giám định trên các mẫu ký hiệu A1, A2 do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký, chữ viết cần giám định trên các mẫu ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Đồng Huy C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 9978 ngày 14/02/2025 của V5 - Bộ C4 giám định chữ ký, chữ viết của Trần Nguyên C1 trên Hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái (A1) và 01 biên bản bàn giao xe đề ngày 09/7/2023 (A2) kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết đứng tên Đồng Huy C dưới mục "Bên B – Khách thuê xe" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và dưới mục "Đồng ý và xác nhận" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Trần Nguyên C1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Tại Bản kết luận giám định số 9677 ngày 30/12/2024 của V5 - Bộ C4 về giám định chữ ký, chữ viết của Đồng Huy C trên Giấy bán xe đề ngày 28/7/2023, kết luận: Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục "người làm chứng") so với chữ viết, chữ ký của Đồng Huy C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

Cơ quan điều tra tiến hành sao kê tài khoản số 868686699 mang tên Mạc Đăng D mở tại Ngân hàng M1, tài khoản số 86868888881996 mang tên Đồng Huy C mở tại Ngân hàng M1, tài khoản số 666695888999 mang tên Trần Nguyên C1 mở tại Ngân hàng V3 xác định có các giao dịch chuyển khoản như nội dung vụ án.

Xác minh đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Piagio Vespa BKS: 30L2 – 2345 đăng ký chính chủ mang tên Nguyễn Quang T2, địa chỉ: 1 tổ D D, quận C, TP Hà Nội (cũ). Xác minh xe không có trong dữ liệu xe máy vật chứng. Cơ quan điều tra đã xác minh đối với ông Nguyễn Quang T2 tại địa chỉ trên, xác định ông T2 chuyển nhà và hộ khẩu đi nơi khác, Công an phường D không nắm được ông T2 hiện ở đâu.

Đối với anh Mạc Đăng D, quá trình mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300, màu trắng BKS: 37K-030.89 của Đồng Huy C, anh D không biết xe là do C phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh D là có căn cứ.

Quá trình điều tra xác định các cá nhân là chị Lê Thị L (sinh năm: 1975, HKTT: Tổ dân phố P, phường M, quận N, Hà Nội nay là Phường T, Hà Nội), anh Nguyễn Văn

D1 (sinh năm: 1994, HKTT: T, phường S, TP C, tỉnh Hải Dương nay là phường S, TP Hải Phòng), anh Bùi Đức L1 (sinh năm: 2003, HKTT: C, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh nay là xã T, tỉnh Quảng Ninh); anh Hoàng Hồng M (sinh năm: 1983, HKTT: tổ C phường M, quận H, Hà Nội nay là phường T, Hà Nội) đã nhận được số tiền C chuyển cho họ là để trả nợ cá nhân. Chị L, anh D1, anh L1, anh M không biết nguồn gốc số tiền trên là do C phạm tội mà có, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Cáo trạng số:447/CT-VKS-P3 ngày 17/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đồng Huy C về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 175; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Bộ luật Hình sự

Tội danh: Bị cáo **Đồng Huy C** phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Phạt bị cáo **Đồng Huy C** từ 13 năm tù đến 14 năm tù, tổng hợp với 12 năm 6 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 323/2025/HS-ST ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của 2 bản án là 25 năm 6 tháng tù đến 26 năm 6 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo ý kiến: Bị cáo thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ không có việc làm ổn định bị cáo là lao động chính, tài sản đã được trả cho bị hại, gia đình bị cáo đã khắc phục 1 phần hậu quả trả tiền cho anh D. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T8,Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2].Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và hình phạt áp dụng với các bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 09/7/2023, Đồng Huy C thuê của anh Trần Nguyên C1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300, BKS: 37K-030.89, thời hạn thuê từ ngày 09/7/2023 đến ngày 12/7/2023, với giá 3.900.000 đồng. Đến ngày 12/7/2023, C tiếp tục gia hạn thời hạn thuê xe với anh C1 trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày 12/7/2023 đến ngày 10/8/2023, với giá 39.000.000 đồng, đặt cọc 11.000.000 đồng. Sau khi thuê được xe, đến ngày 28/7/2023, do cần tiền, C bán xe ô tô cho anh Mạc Đăng D với giá 1.400.000.000 đồng, khi bán xe Chí nói dối anh D chiếc xe ô tô trên là của C và làm giấy cam kết. Số tiền bán xe, C sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Trị giá xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300, BKS: 37K-030.89 là 800.000.000 đồng. Hết thời hạn thuê xe, C nói dối anh C1 để tiếp tục thuê xe và tự chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của anh C1, nhưng anh C1 không đồng ý. Hết thời hạn thuê xe, anh C1 yêu cầu C mang trả xe nhưng C không trả, ngày 21/8/2023, anh C1 làm đơn tố cáo hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Chí đến Cơ quan CSĐT – Công an quận N, TP Hà Nội. Hiện xe ô tô đã thu hồi và trả lại cho anh C1. Anh D2 yêu cầu C bồi hoàn số tiền 1.400.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo **Đồng Huy C** đủ yếu tố cấu thành tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Trước khi xét xử vụ á9n trên bị cáo phạm tội tại Bản án hình sự sơ thẩm số 323/2025/HS-ST ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội bị cáo bị phạt 12 năm 6 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đến nay bản án đã có hiệu lực pháp luật nên tổng hợp hình phạt 2 Bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định tai Điều 56 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự. Xe ô tô đã được thu hồi trả lại bị hại xong, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Nghĩa vụ hoàn trả: Tại phiên tòa bố đẻ bị cáo và luật sư của bị cáo trình bày đã trả tiền cho anh D2 nhưng không có tài liệu chứng minh nên bị cáo phải trả anh Mạc Đăng D số tiền 1.400.000.000đ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về án phí: Bị cáo tuyên có tội và phải hoàn trả tiền nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Căn cứ**: Khoản 4 Điều 175; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[2].**Tuyên bố**: Bị cáo Đồng Huy C phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Phạt bị cáo Đồng Huy C 13 năm tù, tổng hợp với 12 năm 6 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 323/2025/HS-ST ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của 2 bản án là 25 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2024.

[3] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự.

Nghĩa vụ hoàn trả: Bị cáo phải trả anh Mạc Đăng D số tiền 1.400.000.000đ

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Toà án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 54.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Người có quyền lợi nghãi vụ liên quan được kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
-VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P2);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Thủy